

KẾT QUẢ THI TUYỂN SINH VÀO TRƯỜNG THPT HUỖNH HỮU NGHĨA
NĂM HỌC 2025 - 2026

STT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Trường THCS	Điểm thi			Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Ưu tiên	Khuyến khích	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					Toán	Văn	Anh	HK	HL	HK	HL	HL	HK	HL	HK				
1	210001	Nguyễn Thị Thủy Ái	02/06/2008	THCS Mỹ Tú	2.75	6.00	2.60	K	Đ	T	Đ	T	K	T	K	1.00		27.85	
2	210002	Dương Thế Ân	14/11/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	3.25	5.00	4.00	T	T	T	K	T	K	T	T	1.00		32.25	
3	210003	Nguyễn Hoàng Linh Anh	21/12/2010	THCS Mỹ Tú	4.25	4.50	2.50	T	T	T	K	K	K	T	Đ	1.00		29.25	
4	210004	Lê Hoàng Tuấn Anh	09/10/2010	THCS Mỹ Tú	5.50	4.00	3.20	T	Đ	T	K	T	K	T	K			29.70	
5	210005	Ngô Hồng Anh	28/10/2010	THCS Mỹ Tú	4.00	5.25	2.30	T	K	T	K	K	K	T	K	1.00		30.05	
6	210006	Phạm Huỳnh Anh	30/01/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	4.75	6.50	3.20	T	T	T	T	T	T	T	T	1.00		35.45	
7	210007	Dương Huỳnh Nhật Anh	20/02/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	4.25	4.50	3.20	T	T	T	K	K	K	T	K			29.95	
8	210008	Cô Minh Anh	17/06/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	4.00	6.00	3.00	T	T	T	K	T	K	K	K	1.00		32.00	
9	210009	Đặng Minh Anh	14/03/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	4.50	5.00	4.70	T	K	T	T	T	T	T	T	1.00		34.70	
10	210010	Lê Ngọc Kiều Anh	03/07/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	4.25	7.25	4.80	T	T	T	T	T	T	T	T			36.30	
11	210011	Nguyễn Ngọc Minh Anh	27/02/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	3.25	5.75	2.70	T	K	T	T	T	T	T	T			31.20	
12	210012	Nguyễn Nhật Anh	15/02/2010	THCS Mỹ Tú	3.25	4.25	1.80	K	Đ	T	Đ	K	Đ	K	Đ	1.00		22.80	
13	210013	Nguyễn Quốc Anh	26/01/2010	THCS Mỹ Tú	3.50	3.50	2.00	T	Đ	Đ	Đ	T	K	T	Đ	1.00		24.00	
14	210014	Trương Quỳnh Anh	07/10/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	3.50	5.50	4.50	T	K	T	K	T	T	T	K			32.00	
15	210015	Trần Thị Diệu Anh	06/10/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	2.25	4.50	2.50	T	Đ	T	K	T	K	T	K			26.25	
16	210016	Trần Thị Huỳnh Anh	16/03/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	2.50	6.50	3.30	T	T	T	T	T	T	T	T			32.30	
17	210017	Trần Thị Lan Anh	10/09/2008	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	4.25	1.50	1.80	K	Đ	T	Đ	T	Đ	T	K			22.05	
18	210018	Lê Thị Minh Anh	01/11/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	4.25	3.00	1.20	T	K	T	K	T	T	T	K	1.00		27.95	
19	210019	Lê Thị Quỳnh Anh	30/04/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	4.50	6.25	4.00	T	K	T	T	T	T	T	K			33.75	
20	210020	Võ Thị Vân Anh	26/02/2010	THCS Mỹ Tú	4.50	5.25	4.30	T	K	T	T	T	K	T	K	1.00		33.55	
21	210021	Phạm Tuấn Anh	06/05/2010	THCS Mỹ Phước A	3.75	6.75	5.00	T	T	T	T	T	T	T	T	1.00		36.50	
22	210022	Ngô Văn Anh	28/02/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	3.25	3.25	2.20	T	K	T	K	T	K	T	T			27.20	
23	210023	Hồ Ngọc Ánh	16/10/2009	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	3.25	5.50	2.60	T	Đ	T	K	T	K	T	K			28.35	
24	210024	Nguyễn Hoàng Bách	25/09/2010	THCS Mỹ Tú	1.75	2.75	2.40	T	Đ	T	Đ	T	K	T	Đ	1.00		22.90	
25	210025	Nguyễn Gia Bảo	14/02/2010	THCS Mỹ Tú	2.75	3.50	2.50	T	K	T	Đ	T	K	T	Đ			24.75	
26	210026	Nguyễn Thái Bảo	26/10/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	1.75	2.50	2.40	T	Đ	T	Đ	T	Đ	T	K	1.00		22.65	
27	210027	Nguyễn Phước Bình	23/10/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	1.50	2.00	3.00	T	Đ	K	Đ	K	Đ	K	Đ			19.00	
28	210028	Trần Thị Bảo Châu	22/07/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	2.75	3.00	2.70	T	K	T	K	T	T	T	T	1.00		28.45	
29	210029	Đỗ Hoàng Thế Danh	26/01/2010	THCS Mỹ Phước A	2.25	2.25	3.00	T	Đ	T	Đ	K	Đ	T	Đ	1.00		22.00	
30	210030	Võ Thế Danh	10/03/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	3.25	3.25	2.40	T	Đ	T	Đ	T	K	T	K	1.00		25.90	
31	210031	Huỳnh Chí Dĩnh	24/08/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	4.75	5.00	4.80	K	K	T	Đ	T	K	T	T			31.55	
32	210032	Nguyễn Thái Dĩnh	10/05/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	5.00	6.00	7.00	T	T	T	T	T	T	T	T			38.00	
33	210033	Bùi Văn Dô	08/04/2010	THCS Mỹ Tú	0.00	2.50	1.80	K	Đ	K	Đ	T	Đ	K	Đ	1.00		17.80	
34	210034	Nguyễn Huỳnh Minh Dư	21/06/2010	THCS Mỹ Phước A	0.75	4.50	1.50	T	Đ	K	Đ	T	Đ	T	Đ	1.00		21.25	
35	210035	Nguyễn Thị Thùy Dương	20/04/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	3.00	4.50	3.10	T	K	T	K	T	K	T	K			28.60	
36	210036	Trương Thị Thuỳ Dương	25/05/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	4.25	3.00	2.60	T	K	T	K	T	K	T	K			27.85	
37	210037	Lăng Chí Duy	19/08/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	2.50	3.00	1.90	K	Đ	K	Đ	K	Đ	T	Đ			19.90	
38	210038	Phạm Hữu Duy	12/01/2010	THCS Mỹ Tú	3.25	3.00	2.80	T	K	T	K	T	K	T	Đ	1.00		27.05	
39	210039	Nguyễn Lê Duy	03/04/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	1.75	3.50	2.00	T	Đ	T	Đ	T	Đ	T	K	1.00		23.25	
40	210040	Phạm Phương Duy	10/04/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	3.25	4.75	1.80	T	K	T	K	K	K	K	K	1.00		27.80	

STT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Trường THCS	Điểm thi			Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Ưu tiên	Khuyến khích	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					Toán	Văn	Anh	HK	HL	HK	HL	HL	HK	HL	HK				
41	210041	Trần Thanh Duy	14/02/2010	THCS Mỹ Tú	4.25	6.25	4.10	T	K	T	T	T	T	T	T	1.00	1.50	36.60	
42	210042	Lê Nguyễn Mỹ Duyên	10/08/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	3.00	4.50	2.40	T	Đ	T	K	T	K	T	K	1.00		27.90	
43	210043	Trần Thị Mỹ Duyên	18/01/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	0.50	2.50	3.20	T	Đ	T	Đ	T	Đ	T	Đ			20.20	
44	210044	Lê Hoàng Đại	23/04/2010	THCS Mỹ Tú	2.75	3.00	3.00	K	Đ	T	Đ	T	Đ	T	Đ	1.00		23.25	
45	210045	Đoàn Văn Đám	10/10/2010	THCS Mỹ Tú	3.75	2.50	3.00	K	Đ	T	K	T	Đ	T	Đ	1.00		24.75	
46	210046	Hoàng Hồng Đào	20/05/2010	THCS Thiện Mỹ	3.25	4.50	4.40	T	K	T	K	T	T	T	K	1.00		31.65	
47	210047	Lâm Hưng Đạt	30/04/2010	THCS Mỹ Phước A	3.00	5.50	2.60	T	K	T	Đ	T	K	T	K	1.00		29.10	
48	210048	Nguyễn Phát Đạt	13/07/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	2.50	3.50	2.00	T	K	T	K	T	Đ	T	K			25.00	
49	210049	Ngô Phú Đạt	22/02/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	2.25	4.00	2.80	T	Đ	T	Đ	T	K	T	K			25.05	
50	210050	Lê Quốc Đạt	10/07/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	3.50	5.25	2.90	T	K	T	K	T	K	T	T	1.00		31.15	
51	210051	Nguyễn Thành Đạt	03/10/2009	THCS Mỹ Tú	2.50	1.75	2.20	K	Đ	K	Đ	K	Đ	K	Đ	1.00		19.45	
52	210052	Phạm Thành Đạt	09/10/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	3.50	5.50	2.80	T	K	T	K	T	K	T	K	1.00		30.80	
53	210053	Nguyễn Văn Đạt	06/06/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	2.50	3.25	2.50	K	Đ	T	K	K	K	T	K			24.25	
54	210054	Nguyễn Thanh Điền	27/05/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	2.00	3.00	3.00	T	Đ	T	K	T	K	K	K	1.00		25.50	
55	210055	Nguyễn Thanh Điền	05/12/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	5.25	3.50	2.60	T	K	K	K	T	K	T	K	1.00		29.85	
56	210056	Lê Mạnh Đình	18/07/2010	THCS Mỹ Phước A	2.75	5.75	2.20	T	K	T	K	T	Đ	T	K	1.00		28.70	
57	210057	Phạm Minh Định	08/03/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	4.75	4.75	4.60	T	K	T	T	T	T	T	K	1.00		34.10	
58	210058	Trần Văn Định	29/10/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	2.00	3.25	2.70	K	Đ	T	K	K	Đ	T	K			22.95	
59	210059	Nguyễn Minh Đoàn	26/06/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	3.75	4.00	6.50	T	T	T	K	T	T	T	T	1.00		34.75	
60	210060	Nguyễn Văn Đoàn	12/06/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	2.25	3.50	5.40	K	Đ	K	K	K	K	T	K	1.00		27.65	
61	210061	Nguyễn Hoàng Đức	11/09/2006	THCS Mỹ Phước A	2.00	3.75	3.10	T	Đ	T	Đ	T	Đ	T	K	1.00		24.85	
62	210062	Đoàn Hoàng Gia	17/09/2010	THCS Mỹ Tú	7.00	6.25	4.30	T	T	T	T	T	T	T	T	1.00		38.55	
63	210063	Ngô Văn Giản	13/01/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	1.75	3.50	3.00	T	Đ	T	Đ	T	Đ	T	K			23.25	
64	210064	Nguyễn Thị Trúc Giang	27/08/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	2.75	6.50	2.80	T	K	K	K	T	K	T	T			30.05	
65	210065	Mai Huỳnh Giao	02/01/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	3.75	5.25	3.60	T	T	T	T	T	T	T	T			32.60	
66	210066	Nguyễn Quỳnh Giao	27/07/2009	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	2.50	4.25	2.70	T	K	T	T	T	T	T	T			28.95	
67	210067	Nguyễn Thị Huỳnh Giao	03/05/2009	THCS Mỹ Tú	3.50	5.25	2.60	T	K	T	K	T	K	T	K	1.00		30.35	
68	210068	Bùi Ngọc Giàu	06/08/2009	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	4.75	7.00	3.70	T	T	T	T	T	T	T	T			35.45	
69	210069	Lê Thị Trúc Hà	02/03/2010	THCS Mỹ Tú	4.00	5.50	2.90	T	T	T	T	T	T	T	T	1.00		33.40	
70	210070	Trương Đặng Ngọc Hân	06/09/2009	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	3.75	4.75	2.60	T	K	T	K	T	K	T	K			29.10	
71	210071	Dương Gia Hân	23/11/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	3.75	5.25	3.70	T	K	T	T	T	T	T	T			32.20	
72	210072	Huỳnh Ngọc Hân	10/02/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	4.25	4.75	2.60	T	K	T	T	T	T	T	T	1.00		32.10	
73	210073	Nguyễn Thị Diễm Hằng	28/04/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	3.00	5.00	2.20	K	K	T	K	K	T	T	K	1.00		28.70	
74	210074	Phạm Gia Hào	22/06/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	2.25	2.25	2.00	K	Đ	Đ	Đ	K	Đ	K	Đ	1.00		19.00	
75	210075	Huỳnh Lê Thiên Hào	30/06/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	3.50	5.75	3.50	T	K	T	K	T	T	T	T	1.00		32.75	
76	210076	Ngô Minh Hào	09/02/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	2.00	6.50	3.20	T	K	T	T	T	K	K	Đ	1.00		29.70	
77	210077	Nguyễn Ngọc Anh Hào	28/04/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	3.00	5.00	3.20	T	K	T	T	T	T	T	T			30.70	
78	210078	Nguyễn Trung Hạo	28/10/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	3.25	5.00	2.20	T	Đ	T	K	T	T	T	T	1.00		29.45	
79	210079	Nguyễn Phúc Hậu	21/05/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	3.50	5.25	3.00	T	K	T	K	K	K	T	K			29.25	
80	210080	Phan Trung Hậu	16/02/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	3.75	5.25	2.90	T	T	T	K	T	K	T	K			30.40	
81	210081	Lê Hoàng Hiếu	13/12/2009	THCS Mỹ Tú	2.75	5.50	2.80	T	Đ	K	Đ	T	Đ	T	Đ	1.00		25.55	
82	210082	Lê Minh Hiếu	22/05/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	2.75	3.25	3.20	T	K	K	K	T	K	T	Đ			25.70	
83	210083	Mai Trọng Hiếu	20/04/2010	THCS Mỹ Tú	4.00	6.50	2.90	T	Đ	T	K	T	K	T	K			30.40	
84	210084	Nguyễn Trường Hiếu	06/06/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	0.50	4.00	1.80	T	K	T	K	T	K	T	K	1.00		25.30	

STT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Trường THCS	Điểm thi			Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Ưu tiên	Khuyến khích	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					Toán	Văn	Anh	HK	HL	HK	HL	HL	HK	HL	HK				
85	210085	Trần Thị Huỳnh Hoa	26/12/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	1.50	4.50	1.80	T	K	T	K	T	K	T	K	1.00		26.80	
86	210086	Trương Văn Hoá	12/08/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	1.75	4.50	2.80	K	Đ	T	Đ	T	Đ	T	K			23.55	
87	210087	Nguyễn Trí Hoàng	24/11/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	2.00	4.00	2.00	T	Đ	K	K	T	K	K	Đ	1.00		24.00	
88	210088	Trương Chí Hưng	11/06/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	4.00	5.25	3.80	K	K	T	T	T	K	T	T			31.55	
89	210089	Lý Minh Hưng	08/06/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	3.75	5.50	3.00	T	K	T	K	T	K	T	Đ	1.00		30.25	
90	210090	Lê Thị Huỳnh Hương	02/02/2009	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	5.50	6.50	4.60	T	K	T	T	T	T	T	T	1.00		37.10	
91	210091	Dương Văn Hường	03/03/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	3.75	5.75	2.40	T	K	T	T	T	K	T	T			30.90	
92	210092	Lê Gia Huy	05/01/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	3.75	6.25	2.20	T	K	T	K	T	K	T	T			30.70	
93	210093	Nguyễn Gia Huy	05/07/2010	THCS Mỹ Phước A	4.25	5.00	1.40	T	Đ	T	K	T	Đ	T	K	1.00		27.65	
94	210094	Nguyễn Hoàng Huy	09/11/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	2.75	4.00	3.60	K	K	T	K	T	K	T	K	1.00		28.85	
95	210095	Nguyễn Hoàng Huy	29/08/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	1.75	3.75	3.40	T	Đ	T	Đ	T	K	T	Đ			23.90	
96	210096	Tô Khánh Huy	06/07/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	3.25	5.00	2.60	T	K	T	K	T	K	T	K			28.85	
97	210097	Dương Huỳnh	19/01/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	4.00	4.50	3.40	T	K	T	K	T	K	T	K			29.90	
98	210098	Võ Ngọc Kha	10/02/2009	THCS Mỹ Tú	2.75	2.25	1.40	T	Đ	K	Đ	K	Đ	K	Đ			18.90	
99	210099	Đặng Dì Khang	25/10/2010	THCS Thiện Mỹ	4.00	6.50	3.80	T	T	T	K	T	T	T	T			33.80	
100	210100	Đặng Hoài Khang	18/01/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	4.50	4.50	3.50	T	K	T	T	T	Đ	T	T	1.00		31.50	
101	210101	Nguyễn Hoàng Khang	08/03/2010	THCS Hưng Phú	2.00	4.50	3.00	T	Đ	K	Đ	K	Đ	T	K	1.00		24.50	
102	210102	Đặng Minh Khang	03/08/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	1.75	1.75	3.00	T	Đ	T	Đ	T	Đ	T	Đ	1.00		21.50	
103	210103	Trần Minh Khang	10/09/2010	THCS Mỹ Tú	4.25	5.25	3.80	T	K	T	K	T	K	T	T	1.00		32.80	
104	210104	Nguyễn Ngô Tuấn Khang	09/06/2010	THCS Mỹ Tú	2.50	3.50	1.60	K	Đ	K	Đ	T	Đ	K	Đ	1.00		21.10	
105	210105	Nguyễn Nguyên Khang	25/10/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	2.25	5.25	2.20	T	K	T	K	K	K	K	K			26.70	
106	210106	Lê Phúc Khang	10/11/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	4.00	5.50	4.00	T	Đ	K	K	T	T	T	K			30.50	
107	210107	Nguyễn Trọng Khang	03/06/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	3.50	5.00	2.10	T	K	T	K	T	T	T	K			29.10	
108	210108	Bùi Tuấn Khang	23/05/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	5.00	6.00	3.80	T	T	T	T	T	T	T	T			34.80	
109	210109	Ngô Tuấn Khang	27/06/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	2.50	4.75	2.10	T	Đ	K	Đ	T	K	K	Đ			23.35	
110	210110	Trần Tuấn Khang	11/11/2010	THCS Mỹ Tú	2.50	3.00	1.80	T	Đ	K	Đ	T	Đ	T	Đ	1.00		21.80	
111	210111	Đoàn Duy Khánh	08/08/2010	THCS Mỹ Tú	3.25	2.50	2.80	K	Đ	T	Đ	Đ	Đ	K	Đ	1.00		21.55	
112	210112	Lê Hoàng Duy Khánh	04/11/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	2.25	3.25	2.00	K	Đ	K	Đ	T	K	T	K	1.00		23.50	
113	210113	Lý Trường Khánh	04/03/2010	THCS Mỹ Tú	3.00	2.50	2.70	T	Đ	T	Đ	K	Đ	T	Đ	1.00		22.70	
114	210114	Trương Hoàng Khiêm	09/04/2010	THCS Mỹ Tú	6.50	5.75	3.80	T	T	T	T	T	T	T	T	1.00		37.05	
115	210115	Đỗ Châu Đăng Khoa	18/05/2009	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	2.75	4.00	2.40	T	Đ	K	Đ	K	Đ	K	K	1.00		23.65	
116	210116	Huỳnh Đăng Khoa	01/02/2010	THCS Mỹ Tú	8.50	2.75	6.00	T	T	T	T	T	T	T	T			37.25	
117	210117	Nguyễn Đăng Khoa	05/05/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	3.75	5.25	4.00	K	Đ	T	K	T	K	T	K	1.00		30.50	
118	210118	Nguyễn Hoàng Đăng Khoa	03/11/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	3.50	6.25	4.30	T	K	T	K	K	K	T	T	1.00		33.05	
119	210119	Lê Phạm Anh Khoa	01/08/2010	THCS Mỹ Tú	3.75	5.25	3.00	T	T	T	K	T	K	T	K			30.50	
120	210120	Nguyễn Đăng Khôi	14/08/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	1.75	4.50	2.00	T	Đ	T	Đ	T	Đ	T	Đ			22.25	
121	210121	Võ Hoàng Khôi	06/01/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	7.75	5.00	7.90	T	T	T	T	T	K	T	T	1.00		41.15	
122	210122	Nguyễn Minh Khôi	20/08/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	0.25	4.00	6.20	K	Đ	T	Đ	T	K	K	Đ			24.45	
123	210123	Võ Tấn Khôi	09/03/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	3.00	2.50	5.80	K	Đ	Đ	K	Đ	K	T	K			24.80	
124	210124	Trần Cẩm Khuyên	22/08/2010	THCS Mỹ Phước A	2.50	4.50	2.40	T	K	T	T	T	K	T	K	1.00		28.90	
125	210125	Đào Quốc Kiệt	01/09/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	1.75	4.25	2.80	T	K	T	K	T	K	T	Đ			25.80	
126	210126	Trần Tuấn Kiệt	18/05/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	2.25	6.00	3.60	T	K	T	K	T	K	T	K			29.85	
127	210127	Nguyễn Thị Diễm Kiều	18/05/2010	THCS Mỹ Phước A	3.00	4.25	3.00	T	K	T	K	T	Đ	T	K	1.00		28.25	
128	210128	Lê Thị Ánh Kim	16/07/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	3.50	4.50	3.00	T	K	T	K	T	K	T	K			29.00	

STT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Trường THCS	Điểm thi			Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Ưu tiên	Khuyến khích	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					Toán	Văn	Anh	HK	HL	HK	HL	HL	HK	HL	HK				
129	210129	Văn Trần Thiên Kim	20/01/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	2.50	5.25	2.40	K	K	T	K	T	K	T	K	1.00		28.65	
130	210130	Hà Cao Kỳ	19/11/2010	THCS Mỹ Tú	7.25	6.50	7.40	T	K	T	T	T	T	T	T			40.65	
131	210131	Bùi Phan Minh Kỳ	22/10/2009	THCS Mỹ Tú	2.75	3.25	4.50	K	Đ	Đ	Đ	K	Đ	K	Đ	1.00	0.50	23.50	
132	210132	Nguyễn Hoàng Lam	10/07/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	2.50	2.75	3.80	T	K	T	K	T	K	T	K			27.05	
133	210133	Phạm Hoàng Lâm	27/06/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	2.00	4.00	2.60	T	Đ	T	K	T	K	T	K			25.60	
134	210134	Nguyễn Thị Ngọc Lam	10/11/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	3.00	4.75	2.00	T	K	T	K	T	K	T	K	1.00		28.75	
135	210135	Ngô Tường Lam	27/08/2010	THCS Mỹ Phước A	5.50	5.75	5.00	T	K	T	K	T	T	T	T	1.00		36.25	
136	210136	Nguyễn Thị Ngọc Lan	30/01/2010	THCS Mỹ Phước A	8.75	7.00	7.60	T	T	T	T	T	T	T	T	1.00		44.35	
137	210137	Nguyễn Lam Linh	17/04/2010	THCS Mỹ Phước A	4.25	5.00	4.50	T	K	T	K	T	K	T	K	1.00		32.75	
138	210138	Nguyễn Thị Thu Linh	19/12/2009	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	1.75	4.75	1.70	T	Đ	T	Đ	K	Đ	T	Đ	1.00		22.70	
139	210139	Phạm Thùy Linh	09/11/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	2.75	3.75	4.00	T	Đ	T	K	T	K	T	K	1.00		28.50	
140	210140	Văn Thị Ánh Loan	07/01/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	6.25	7.25	7.50	T	T	T	T	T	T	T	T	1.00		42.00	
141	210141	Trần Thị Thu Loan	30/12/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	4.00	5.50	5.70	T	K	T	T	T	T	T	T			34.70	
142	210142	Châu Hoàng Lộc	07/01/2010	THCS Mỹ Tú	3.75	3.25	2.80	T	K	T	K	T	K	T	Đ	1.00		27.80	
143	210143	Lâm Hoàng Lộc	18/07/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	3.25	4.00	3.70	T	K	T	K	T	K	T	K			28.95	
144	210144	Nguyễn Lê Gia Lộc	30/08/2010	THCS Mỹ Tú	3.00	3.00	2.80	T	Đ	T	Đ	T	K	T	Đ	1.00		24.80	
145	210145	Nguyễn Tấn Lộc	05/03/2010	THCS Mỹ Tú	3.25	5.00	2.80	T	Đ	T	K	T	K	T	K			28.05	
146	210146	Trần Tấn Lộc	08/07/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	0.25	2.50	2.20	T	Đ	T	Đ	T	K	T	K			20.95	
147	210147	Châu Thiên Lộc	23/05/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	3.75	5.50	3.80	T	K	T	K	K	K	K	K			30.05	
148	210148	Dư Hoàng Lợi	21/01/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	2.00	3.50	2.00	T	Đ	T	K	T	K	T	K			24.50	
149	210149	Nguyễn Phước Lợi	06/11/2010	THCS Mỹ Phước A	5.25	6.00	3.80	K	K	T	K	T	T	T	T	1.00		34.55	
150	210150	Huỳnh Thanh Long	20/10/2010	THCS Mỹ Tú	4.00	3.50	2.70	T	Đ	T	K	T	K	T	Đ	1.00		27.20	
151	210151	Đặng Thị Cẩm Ly	13/05/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	2.50	2.75	2.00	T	Đ	T	K	T	K	T	Đ	1.00		24.25	
152	210152	Nguyễn Thị Trúc Ly	01/07/2010	THCS Mỹ Phước A	3.50	5.00	3.40	T	K	T	K	T	K	T	K	1.00		30.90	
153	210153	Trần Thị Trúc Ly	16/09/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	2.75	5.50	2.60	T	K	T	K	T	K	T	K			28.85	
154	210154	Lê Ngọc Mai	08/01/2010	THCS Mỹ Phước A	2.75	4.50	2.00	T	K	T	Đ	T	Đ	T	Đ	1.00		25.25	
155	210155	Trần Thị Ngọc Mai	01/01/2010	THCS Hưng Phú	2.25	3.75	3.00	T	K	T	K	T	K	T	K	1.00		28.00	
156	210156	Phạm Xuân Mai	17/03/2010	THCS Mỹ Phước A	1.00	4.00	2.60	T	K	T	K	T	K	T	K	1.00		26.60	
157	210157	Lý Thị Diễm Mi	22/03/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	3.00	5.50	3.60	T	T	T	T	T	T	T	T	1.00		33.10	
158	210158	Lê Ánh Minh	29/11/2010	THCS Mỹ Phước A	3.25	4.75	1.80	T	Đ	T	Đ	T	K	T	K	1.00		26.80	
159	210159	Võ Thị Ngọc Minh	27/07/2010	THCS Mỹ Tú	3.00	5.50	2.80	T	K	T	K	T	T	T	K	1.00		30.80	
160	210160	Ngô Thị Mơ	12/04/2010	THCS Mỹ Tú	4.25	6.00	3.50	T	K	T	Đ	K	K	T	K	1.00		31.25	
161	210161	Trang Diễm My	19/06/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	1.75	6.50	5.20	T	T	T	T	T	T	T	T			33.45	
162	210162	Nguyễn Ngọc My	17/03/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	1.50	2.75	2.80	T	Đ	T	K	T	K	T	Đ	1.00		24.05	
163	210163	Lê Nguyễn Diễm My	13/03/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	6.50	6.75	4.90	T	T	T	T	T	T	T	T			38.15	
164	210164	Dương Thị Hà My	01/08/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	3.00	5.00	3.00	K	K	K	Đ	T	Đ	T	T	1.00		27.50	
165	210165	Nguyễn Thị Ngọc Mỹ	15/02/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	2.75	5.00	3.20	T	K	T	Đ	T	K	T	K			27.95	
166	210166	Trang Trà My	19/06/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	2.00	4.00	3.50	T	T	T	T	T	T	T	T			29.50	
167	210167	Đặng Quốc Nam	09/09/2010	THCS Mỹ Tú	4.25	5.00	2.80	T	Đ	T	K	T	T	T	K	1.00		30.55	
168	210168	Phan Huỳnh Kim Ngân	19/10/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	2.25	4.00	2.60	T	K	T	T	T	K	K	Đ			25.85	
169	210169	Đỗ Ngọc Kim Ngân	23/01/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	3.75	5.25	4.90	T	K	T	T	T	T	T	T			33.40	
170	210170	Phùng Thanh Ngân	28/01/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	2.75	5.00	3.20	T	K	T	K	T	K	T	K	1.00		29.95	
171	210171	Phạm Xuân Nghi	29/10/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	4.50	7.25	4.80	T	T	T	Đ	T	T	T	T			35.05	
172	210172	Huỳnh Thị Ngọc Ngoan	18/07/2010	THCS Hưng Phú	2.75	6.50	2.90	K	Đ	T	K	T	K	T	T	1.00		30.15	

STT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Trường THCS	Điểm thi			Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Ưu tiên	Khuyến khích	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					Toán	Văn	Anh	HK	HL	HK	HL	HL	HK	HL	HK				
173	210173	Trương Bảo Ngọc	14/10/2010	THCS Lâm Tân	0.25	4.75	1.80	T	Đ	T	Đ	T	Đ	T	Đ			20.80	
174	210174	Nguyễn Hồng Ngọc	21/05/2009	THCS Mỹ Phước A	3.00	3.00	2.60	T	T	T	K	T	K	T	T	1.00		28.60	
175	210175	Lê Hồng Như Ngọc	23/03/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	3.25	4.50	1.60	T	K	T	K	T	K	T	K			27.35	
176	210176	Tô Khánh Ngọc	26/09/2009	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	4.00	5.50	3.00	T	K	T	K	K	K	T	K	1.00		31.00	
177	210177	Phùng Minh Ngọc	14/02/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	4.50	6.00	3.20	K	Đ	K	Đ	T	K	T	K	1.00		29.70	
178	210178	Lê Mỹ Ngọc	25/08/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	4.50	5.00	4.20	T	K	K	K	T	K	T	K	1.00		32.20	
179	210179	Huỳnh Thanh Ngọc	13/07/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	3.50	6.00	4.20	K	Đ	T	Đ	T	Đ	T	K	1.00		29.20	
180	210180	Lê Thị Ánh Ngọc	17/07/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	3.75	6.50	3.20	T	K	T	K	T	T	T	T			32.45	
181	210181	Võ Thị Bảo Ngọc	30/09/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	2.25	5.00	3.40	T	K	T	K	T	K	T	Đ	1.00		28.65	
182	210182	Tô Thị Bích Ngọc	02/02/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	3.25	4.50	3.80	T	K	T	K	T	K	T	T	1.00		31.05	
183	210183	Trần Thị Hồng Ngọc	03/03/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	2.50	4.50	2.20	T	K	T	K	T	K	T	K	1.00		28.20	
184	210184	Nguyễn Kỳ Nguyên	05/05/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	3.75	3.50	2.20	T	K	K	K	K	K	K	K			25.95	
185	210185	Võ Nguyễn Đình Nguyên	01/10/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	4.25	3.50	4.20	T	K	T	T	T	K	T	T			30.95	
186	210186	Đào Nguyễn Trung Nguyên	17/02/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	2.75	3.25	3.40	T	K	T	T	T	K	T	Đ	1.00		27.90	
187	210187	Nguyễn Thị Thanh Nguyệt	01/03/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	3.25	4.25	2.80	T	K	T	K	T	K	T	K	1.00		29.30	
188	210188	Trà Lê Thanh Nhã	21/05/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	4.50	6.50	3.60	T	K	T	T	T	T	T	T	1.00		35.10	
189	210189	Nguyễn Tấn Nhạc	03/04/2010	THCS Mỹ Tú	3.00	4.50	3.00	K	Đ	K	Đ	T	K	K	Đ	1.00		25.00	
190	210190	Nguyễn Châu Hiền Nhân	19/01/2010	THCS Mỹ Phước A	1.50	4.00	2.00	T	Đ	T	Đ	T	Đ	T	Đ	1.00		22.50	
191	210191	Nguyễn Thanh Nhân	22/01/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	2.75	4.50	3.90	T	K	T	K	T	K	T	K	1.00		30.15	
192	210192	Nguyễn Ngọc Nhanh	12/02/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	2.25	6.00	3.20	T	K	T	K	T	K	T	K	1.00		30.45	
193	210193	Nguyễn Tùng Nhất	10/12/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	2.75	5.75	3.10	T	K	T	T	T	T	T	K			30.60	
194	210194	Nguyễn Nhi	25/10/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	4.75	6.50	4.20	T	K	T	T	T	T	T	T			34.95	
195	210195	Nhâm Cẩm Nhi	24/07/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	0.75	2.75	3.40	T	Đ	K	Đ	K	K	K	Đ			20.40	
196	210196	Hồ Hạnh Nhi	20/04/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	8.00	6.00	6.40	T	K	T	T	T	T	T	T			39.90	
197	210197	Nguyễn Thị An Nhi	16/11/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	2.75	2.75	2.20	T	Đ	T	Đ	T	Đ	T	Đ	1.00		22.70	
198	210198	Trần Thị Mai Nhi	04/06/2009	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	3.75	4.00	2.60	T	K	T	K	K	K	T	K	1.00		28.85	
199	210199	Nguyễn Thị Nguyệt Nhi	01/03/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	4.50	7.00	3.70	T	K	T	T	T	T	T	T	1.00		35.70	
200	210200	Võ Thị Tuyết Nhi	29/06/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	3.50	6.25	3.20	T	K	T	T	T	T	T	T			32.45	
201	210201	Huỳnh Thị Yến Nhi	16/09/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	2.75	4.50	3.20	T	K	T	K	T	K	T	K	1.00		29.45	
202	210202	Nguyễn Thị Yến Nhi	22/03/2010	THCS Mỹ Tú	4.25	4.00	3.30	K	K	T	Đ	T	K	K	Đ	1.00		27.55	
203	210203	Trần Thị Yến Nhi	09/12/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	2.50	1.25	2.60	T	Đ	T	K	T	Đ	T	Đ	1.00		22.35	
204	210204	Nguyễn Trịnh Mẫn Nhi	01/04/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	2.50	4.00	2.60	T	Đ	T	K	T	K	T	K			26.10	
205	210205	Âu Dương Ngọc Như	06/12/2010	THCS Thiện Mỹ	3.25	4.00	2.00	T	K	T	Đ	T	Đ	T	Đ			24.25	
206	210206	Phạm Hồng Như	13/12/2010	THCS Mỹ Tú	4.75	4.25	2.40	K	K	T	T	T	T	T	T	1.00		31.40	
207	210207	Trần Huỳnh Như	30/06/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	3.75	5.50	4.80	T	T	T	T	T	T	T	T			34.05	
208	210208	Huỳnh Ngọc Như	29/09/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	2.75	4.25	2.20	T	Đ	T	K	T	K	T	Đ			25.20	
209	210209	Lê Thị Huỳnh Như	03/09/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	2.75	3.75	2.30	T	Đ	T	Đ	T	Đ	T	Đ	1.00		23.80	
210	210210	Thạch Duy Nhựt	19/04/2009	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	3.00	4.50	3.50	T	Đ	T	K	T	K	T	K	1.00		29.00	
211	210211	Võ Trương Minh Nhựt	16/07/2010	THCS Mỹ Tú	3.50	4.25	1.70	T	K	T	K	T	K	T	Đ	1.00		27.45	
212	210212	Chê Nguyễn Thủy Ni	18/02/2010	THCS Mỹ Tú	3.75	6.25	3.50	T	K	T	K	T	K	T	K	1.00		32.50	
213	210213	Trần Thị Kiều Nương	27/04/2009	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	2.00	4.25	2.00	T	K	T	K	T	K	K	K			25.75	
214	210214	Trang Đoàn Tấn Phát	09/10/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	4.75	6.50	3.50	T	K	T	K	T	T	T	T	1.00		34.75	
215	210215	Hồ Hoàng Phát	18/06/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	3.75	6.00	2.80	T	T	T	T	T	T	T	T			32.55	
216	210216	Huỳnh Thịnh Phát	09/05/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	4.25	5.75	3.70	T	K	T	T	T	T	T	T			33.20	

STT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Trường THCS	Điểm thi			Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Ưu tiên	Khuyến khích	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					Toán	Văn	Anh	HK	HL	HK	HL	HL	HK	HL	HK				
217	210217	Nguyễn Thị Hồng Phiến	13/09/2010	THCS Mỹ Tú	2.75	6.50	3.30	K	K	T	K	K	Đ	T	K	1.00		29.55	
218	210218	Lê Hoài Phong	07/12/2009	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	2.00	4.75	2.70	T	K	T	Đ	K	K	T	Đ			24.95	
219	210219	Nguyễn Hoàng Phú	22/12/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	0.75	1.50	1.60	K	Đ	K	Đ	K	Đ	Đ	Đ			15.35	
220	210220	Nguyễn Ngọc Phú	17/04/2010	THCS Mỹ Tú	3.00	4.50	2.40	T	Đ	K	Đ	T	K	T	K	1.00		26.40	
221	210221	Lê Phong Phú	22/02/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	3.00	3.50	2.20	T	K	K	K	T	K	T	T	1.00		27.70	
222	210222	Huỳnh Thanh Phú	26/11/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	1.50	2.75	2.00	K	Đ	K	Đ	K	Đ	T	Đ			18.75	
223	210223	Nguyễn Thanh Phú	28/06/2010	THCS Mỹ Tú	2.75	2.75	2.20	K	K	K	Đ	T	K	T	Đ	1.00		23.70	
224	210224	Nguyễn Hoàng Phúc	27/05/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	2.50	2.50	2.00	T	Đ	T	Đ	T	Đ	T	Đ	1.00		22.00	
225	210225	Nguyễn Hoàng Phúc	05/04/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	3.50	3.25	2.30	T	Đ	T	Đ	T	K	T	K	1.00		26.05	
226	210226	Nguyễn Thị Kim Phụng	20/10/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	4.25	7.00	4.00	T	T	T	T	T	T	T	T	1.00		36.25	
227	210227	Đoàn Hữu Phước	13/08/2010	THCS Mỹ Phước A	3.25	5.75	2.50	K	K	T	K	T	T	T	T	1.00		31.00	
228	210228	Leong Kim Phụng	31/10/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	2.50	5.25	2.80	T	K	T	T	T	T	T	K	1.00		30.55	
229	210229	Hà Như Phương	12/11/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	3.25	6.25	3.40	T	K	T	K	K	K	T	K	1.00		31.40	
230	210230	Nguyễn Thái Phương	09/04/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	2.75	4.00	4.10	T	K	T	K	T	K	T	K			28.85	
231	210231	Ngô Thị Diễm Phương	02/01/2010	THCS Hưng Phú	0.50	4.75	3.00	T	Đ	T	Đ	K	Đ	T	K	1.00		23.75	
232	210232	Bùi Thị Hà Phương	27/06/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	5.25	5.75	7.20	T	T	T	T	T	T	T	T			38.20	
233	210233	Ngô Thị Linh Phương	10/05/2010	THCS Mỹ Tú	3.50	5.00	4.00	T	T	T	T	K	K	T	K	1.00		32.00	
234	210234	Nguyễn Vũ Phương	25/07/2010	THCS Mỹ Tú	3.75	2.25	2.30	T	Đ	T	Đ	T	K	T	Đ	1.00		24.30	
235	210235	Đào Minh Quân	30/04/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	1.25	1.00	1.60	T	Đ	K	Đ	K	K	T	Đ	1.00		18.85	
236	210236	Trần Minh Quân	15/11/2010	THCS Thiện Mỹ	4.25	3.25	4.40	T	Đ	T	Đ	T	Đ	T	Đ			25.90	
237	210237	Nguyễn Dương Quí	27/09/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	4.25	6.00	4.50	T	K	T	K	T	K	T	T			33.25	
238	210238	Nguyễn Hưng Quốc	10/06/2009	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	3.75	5.75	4.10	K	Đ	K	Đ	T	K	T	K			28.60	
239	210239	Tô Trung Quốc	16/04/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	1.75	4.50	2.50	T	K	T	K	T	K	T	K			26.75	
240	210240	Lê Hoàng Quý	26/01/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	2.75	4.75	2.40	T	Đ	T	K	T	T	T	K	1.00		28.40	
241	210241	Trần Bùi Yến Quỳnh	27/12/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	4.25	7.50	4.50	T	T	T	T	T	T	T	T			36.25	
242	210242	Nguyễn Như Quỳnh	17/05/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	6.50	6.75	4.40	T	K	T	T	T	T	T	T			37.15	
243	210243	Đào Thị Như Quỳnh	10/09/2010	THCS Mỹ Tú	4.75	7.00	3.40	T	T	T	T	T	T	T	T	1.00		36.15	
244	210244	Trần Thị Như Quỳnh	05/11/2009	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	2.75	6.50	2.00	T	K	T	K	T	T	T	T	1.00		31.25	
245	210245	Nguyễn Võ Xuân Quỳnh	24/03/2010	THCS Hưng Phú	7.75	6.50	5.40	T	T	T	T	T	T	T	T			39.65	
246	210246	Nguyễn Văn Rần	09/09/2010	THCS Thiện Mỹ	3.75	4.50	2.70	K	K	Đ	Đ	Đ	Đ	T	Đ			23.45	
247	210247	Phạm Hoàng Sang	22/05/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	0.25	2.50	1.80	T	Đ	K	Đ	T	Đ	T	Đ			18.05	
248	210248	Trương Phước Sang	08/03/2010	THCS Mỹ Tú	7.50	5.00	3.40	T	Đ	T	K	T	K	T	K	1.00		33.90	
249	210249	Quách Văn Sen	18/04/2010	THCS Mỹ Tú	3.50	5.75	2.90	T	Đ	Đ	Đ	T	K	T	Đ	1.00		27.15	
250	210250	Nguyễn Hoài Nhất Siêu	22/07/2010	THCS Mỹ Phước A	4.25	5.25	3.90	T	K	T	Đ	T	Đ	T	K	1.00		30.40	
251	210251	Đoàn Hữu Tài	03/10/2010	THCS Mỹ Phước A	4.25	4.50	2.80	T	K	T	Đ	T	K	T	K	1.00		29.55	
252	210252	Nguyễn Thành Tài	25/03/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	3.25	5.25	3.00	T	K	T	K	T	T	T	T			30.50	
253	210253	Phan Văn Tài	27/12/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	3.25	5.00	2.80	T	Đ	T	K	T	Đ	T	K	1.00		28.05	
254	210254	Nguyễn Võ Tấn Tài	03/01/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	3.75	5.25	3.50	T	K	T	K	T	K	T	T	1.00		32.00	
255	210255	Nguyễn Trần Nhựt Tân	22/11/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	2.75	3.50	2.40	K	Đ	K	Đ	T	Đ	T	K			22.65	
256	210256	Mai Huỳnh Thái	05/06/2010	THCS Mỹ Phước A	3.50	6.50	3.00	T	Đ	T	Đ	T	K	T	K	1.00		30.00	
257	210257	Nguyễn Minh Thái	24/12/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	2.50	3.75	2.40	T	Đ	T	Đ	T	K	T	K			24.65	
258	210258	Dương Ngọc Thái	18/10/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	1.50	2.00	2.80	T	K	T	Đ	K	Đ	Đ	Đ			19.80	
259	210259	Ông Tấn Thái	11/10/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	3.00	3.00	2.20	T	K	T	K	T	Đ	T	K	1.00		26.20	
260	210260	Võ Hữu Thắng	08/07/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	2.50	3.00	2.40	T	Đ	T	K	T	K	T	K	1.00		25.90	

STT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Trường THCS	Điểm thi			Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Ưu tiên	Khuyến khích	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					Toán	Văn	Anh	HK	HL	HK	HL	HL	HK	HL	HK				
261	210261	Lê Mai Thanh	20/04/2010	THCS Mỹ Phước A	3.25	6.25	5.10	T	K	T	T	T	K	T	K	1.00		34.10	
262	210262	Phạm Trí Thanh	05/01/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	2.50	2.50	3.00	K	Đ	K	Đ	K	K	K	K			22.00	
263	210263	Juan Fu Cheng (Nguyễn Phú Thành)	10/06/2010	THCS Mỹ Phước A	3.25	6.00	3.00	T	K	T	Đ	T	K	T	K	1.00		30.25	
264	210264	Nguyễn Kim Trang Thảo	06/12/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	2.75	6.50	2.40	T	K	T	K	T	T	T	K	1.00		31.15	
265	210265	Nguyễn Phúc Thảo	12/10/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	3.25	5.50	3.10	T	Đ	T	K	T	K	T	K	1.00		29.85	
266	210266	Cao Phương Thảo	30/10/2010	THCS Mỹ Tú	5.00	6.50	3.70	T	K	T	T	T	T	T	T	1.00		35.70	
267	210267	Lê Phương Thảo	20/09/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	2.75	6.00	2.70	T	K	T	K	T	T	T	T			30.45	
268	210268	Võ Thị Ngọc Thảo	17/07/2010	THCS Mỹ Tú	3.00	3.00	2.00	T	Đ	K	Đ	K	K	K	K			22.50	
269	210269	Bùi Thị Thanh Thảo	07/01/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	1.50	4.50	2.60	T	Đ	T	Đ	Đ	Đ	T	Đ	1.00		22.60	
270	210270	Nguyễn Đoàn Mỹ Thêm	11/02/2010	THCS Mỹ Tú	4.50	6.75	4.60	T	T	T	T	T	T	T	T	1.00		36.85	
271	210271	Nguyễn Anh Thi	05/01/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	3.00	6.25	3.20	T	K	T	K	T	T	T	T			31.45	
272	210272	Nguyễn Chí Thiện	16/08/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	2.75	2.50	2.20	T	Đ	T	Đ	K	Đ	T	K	1.00		22.95	
273	210273	Ngô Đức Thiên	19/08/2010	THCS Thiện Mỹ	5.25	5.50	2.20	T	K	T	K	T	T	T	K			31.45	
274	210274	Hồ Gia Thịnh	29/07/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	3.25	6.50	5.00	T	K	T	K	T	T	T	T			33.75	
275	210275	Lê Hữu Thịnh	25/01/2010	THCS Mỹ Tú	4.25	6.00	2.60	K	K	T	K	T	K	T	K	1.00		31.35	
276	210276	Lê Phước Thịnh	10/09/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	4.25	4.50	4.70	T	T	T	T	T	T	T	T			33.45	
277	210277	Võ Tấn Thịnh	06/04/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	3.50	6.25	1.60	T	K	T	K	T	T	T	K	1.00		30.85	
278	210278	Lâm Trường Thịnh	10/10/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	4.00	5.75	4.90	T	T	T	T	T	T	T	T	1.00		35.65	
279	210279	Huỳnh Xuân Thịnh	30/11/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	5.50	3.75	3.40	T	K	T	T	T	T	T	T			32.15	
280	210280	Phan Hoàng Anh Thư	02/05/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	7.75	7.25	5.90	T	T	T	T	T	T	T	T			40.90	
281	210281	Nguyễn Huỳnh Thị Anh Thư	17/12/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	2.50	4.00	1.80	T	Đ	K	Đ	K	Đ	T	Đ	1.00		22.30	
282	210282	Văn Minh Thư	20/12/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	3.25	6.25	5.00	T	K	T	K	T	K	T	T			33.00	
283	210283	Trần Thảo Anh Thư	20/12/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	3.50	2.75	4.20	T	Đ	T	K	T	K	K	Đ			25.95	
284	210284	Trần Thị Anh Thư	02/10/2010	THCS Mỹ Phước A	3.25	5.50	1.20	T	K	T	Đ	T	K	T	K	1.00		27.95	
285	210285	Đặng Minh Thuận	23/11/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	2.00	4.00	2.70	T	K	T	Đ	T	K	T	Đ	1.00		25.70	
286	210286	Ngô Minh Thuận	14/01/2010	THCS Thiện Mỹ	3.75	5.25	3.50	T	K	T	K	T	K	T	K			30.50	
287	210287	Nguyễn Minh Thuận	03/09/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	2.50	2.75	4.20	T	Đ	K	Đ	T	K	T	K			24.95	
288	210288	Lê Quốc Thuận	15/04/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	3.75	4.50	3.60	T	K	T	T	T	K	T	K	1.00		31.35	
289	210289	Phạm Văn Khánh Thuận	09/08/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	4.25	6.50	6.30	T	T	T	T	T	T	T	T			37.05	
290	210290	Võ Chí Thúc	30/10/2010	THCS Mỹ Tú	4.75	4.00	3.50	T	K	T	K	T	T	T	K	1.00		31.75	
291	210291	Hồ Thị Ngọc Thúy	19/02/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	5.50	6.50	6.70	T	T	T	T	T	T	T	T			38.70	
292	210292	Bùi Khả Thy	19/02/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	5.50	7.00	6.90	T	T	T	T	T	T	T	T			39.40	
293	210293	Trương Thị Bảo Thy	24/12/2010	THCS Mỹ Tú	4.25	5.00	3.00	T	K	T	K	T	K	T	K	1.00		31.25	
294	210294	Trần Ngọc Ti	16/01/2010	THCS Mỹ Tú	4.75	4.00	1.90	T	K	T	K	T	T	T	K	1.00		30.15	
295	210295	Nguyễn Ngọc Tiên	24/01/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	2.25	3.75	3.00	T	K	T	K	T	Đ	T	K	1.00		27.00	
296	210296	Phan Nguyễn Kim Tiền	22/11/2009	THCS Mỹ Tú	3.25	5.25	4.00	K	Đ	T	K	T	K	K	K			28.50	
297	210297	Phạm Thanh Tiến	29/05/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	2.50	4.25	2.50	T	K	T	K	T	K	T	Đ	1.00		27.25	
298	210298	Lâm Thị Cẩm Tiên	10/10/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	4.50	6.00	5.00	T	K	T	T	T	K	T	T	1.00		35.50	
299	210299	Lê Thị Mỹ Tiên	25/02/2010	THCS Mỹ Phước A	5.00	6.75	4.00	T	T	T	T	T	T	T	T	1.00		36.75	
300	210300	Nguyễn Văn Tín	18/08/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	3.75	3.00	2.60	T	Đ	T	Đ	T	K	T	K			25.35	
301	210301	Lê Minh Tính	16/12/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	4.25	5.00	2.50	T	K	T	T	T	T	T	T	1.00		32.25	
302	210302	Lê Hoàng Toán	23/03/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	3.25	3.00	3.00	T	Đ	Đ	K	K	Đ	K	K	1.00		23.75	
303	210303	Ngô Nguyễn Khánh Toàn	01/01/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	3.00	4.25	3.80	T	Đ	T	K	T	Đ	T	K			27.05	

STT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Trường THCS	Điểm thi			Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Ưu tiên	Khuyến khích	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					Toán	Văn	Anh	HK	HL	HK	HL	HL	HK	HL	HK				
304	210304	Huỳnh Ngọc Trâm	05/03/2010	THCS Mỹ Phước A	2.75	4.00	3.90	T	K	T	K	T	K	T	K	1.00		29.65	
305	210305	Dương Thị Huyền Trâm	15/04/2010	THCS Mỹ Tú	4.50	4.00	2.90	T	T	T	K	T	K	T	K	1.00		30.90	
306	210306	Vũ Thị Ngọc Trân	26/07/2010	THCS Mỹ Tú	4.50	4.00	3.50	K	K	T	Đ	T	K	T	K	1.00		29.50	
307	210307	Đào Thị Quế Trân	11/10/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	4.50	6.00	3.70	T	K	T	T	T	T	T	T			33.70	
308	210308	Trịnh Đoan Trang	22/10/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	3.50	7.00	4.00	T	T	T	T	T	T	T	T			34.50	
309	210309	Nguyễn Thị Thuý Trang	19/02/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	4.50	5.50	6.20	T	T	T	T	T	T	T	T			36.20	
310	210310	Cao Bửu Triết	19/01/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	4.25	4.25	5.10	T	T	T	T	T	T	T	T			33.60	
311	210311	Đoàn Diễm Trinh	17/04/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	3.00	5.50	3.50	T	Đ	T	Đ	T	K	T	K			28.00	
312	210312	Lê Thị Mỹ Trinh	18/10/2009	THCS Mỹ Tú	3.25	6.75	3.30	T	K	T	T	T	T	T	K	1.00		33.30	
313	210313	Bùi Tú Trinh	18/04/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	4.50	5.00	2.60	T	T	T	T	T	T	T	T			32.10	
314	210314	Thái Hiếu Trọng	15/12/2010	THCS Mỹ Phước A	3.00	5.50	1.60	T	K	T	Đ	T	Đ	T	K	1.00		27.10	
315	210315	Lê Minh Trọng	16/11/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	7.00	5.50	3.50	T	T	T	T	T	T	T	T			36.00	
316	210316	Trương Văn Trọng	26/02/2009	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	1.25	2.25	2.10	T	Đ	T	Đ	T	Đ	T	Đ			19.60	
317	210317	Trương Thanh Trúc	01/09/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	2.25	4.00	2.20	T	K	T	K	T	T	T	T	1.00		28.45	
318	210318	Nguyễn Thị Cẩm Tú	15/12/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	4.25	6.75	4.70	T	K	T	T	T	T	T	T	1.00		36.20	
319	210319	Lê Anh Tuấn	21/09/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	1.75	3.75	2.20	T	Đ	T	Đ	T	K	T	Đ	1.00		23.70	
320	210320	Phạm An Tường	22/01/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	3.75	6.75	4.40	T	T	T	T	T	T	T	T	1.00		35.90	
321	210321	Ngô Thị Các Tường	03/01/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	5.00	5.25	4.40	T	T	T	T	T	T	T	T			34.65	
322	210322	Nguyễn Thị Bích Tuyền	15/01/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	3.75	7.25	2.80	T	K	K	T	T	T	T	K			32.30	
323	210323	Nguyễn Thị Ngọc Tuyền	27/01/2010	THCS Mỹ Tú	3.75	5.00	2.80	T	K	T	K	T	K	T	K	1.00		30.55	
324	210324	Huỳnh Thị Thuý Tuyền	29/01/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	2.75	6.25	2.40	T	K	T	K	T	T	T	T			30.40	
325	210325	Nguyễn Hoài Văn	12/09/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	1.75	5.75	2.00	T	K	T	Đ	T	K	T	K	1.00		27.50	
326	210326	Hoàng Hồng Văn	20/05/2010	THCS Thiện Mỹ	3.75	7.25	2.90	T	T	T	K	T	K	T	K	1.00		33.40	
327	210327	Nguyễn Khánh Văn	26/02/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	4.25	4.50	3.10	T	Đ	T	K	T	K	T	K			28.85	
328	210328	Nguyễn Minh Vạn	06/09/2010	THCS Mỹ Tú	2.75	4.00	1.80	K	Đ	Đ	Đ	T	Đ	T	Đ	1.00		22.05	
329	210329	Nguyễn Tấn Vàng	13/04/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	1.25	5.50	3.40	T	Đ	K	Đ	T	Đ	K	Đ			23.15	
330	210330	Huỳnh Thiên Vàng	30/07/2009	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	3.00	3.50	2.40	K	Đ	T	K	K	Đ	T	K	1.00		24.90	
331	210331	Phan Thị Tường Vi	02/08/2010	THCS Mỹ Tú	4.00	7.00	4.20	K	K	T	T	T	T	T	T	1.00		35.20	
332	210332	Nguyễn Tường Vi	09/01/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	4.50	7.00	4.40	T	T	T	T	T	T	T	T	1.00		36.90	
333	210333	Trần Yến Vi	11/01/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	5.00	7.25	4.90	T	Đ	T	T	T	T	T	T	1.00		36.65	
334	210334	Nguyễn Hữu Vinh	03/10/2010	THCS&THPT Long Hưng	8.25	8.00	8.80	T	T	T	T	T	T	T	T	1.00		46.05	
335	210335	Lâm Quang Vinh	05/09/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	4.25	4.25	5.00	T	Đ	K	Đ	K	K	K	K			28.00	
336	210336	Nguyễn Quốc Vinh	01/01/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	4.75	5.00	3.70	T	T	T	T	T	T	T	T	1.00		34.45	
337	210337	Nguyễn Thanh Vũ	26/07/2009	Trường THCS Mỹ tú	2.50	4.25	1.50	K	Đ	T	Đ	T	Đ	T	K	1.00		23.75	
338	210338	Trần Huỳnh Thảo Vy	30/03/2010	THCS Mỹ Phước A	2.75	3.50	5.50	T	K	T	K	T	K	T	K	1.00		30.75	
339	210339	Lê Lan Vy	02/04/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	4.25	6.25	4.00	T	K	T	K	T	T	T	K	1.00		34.00	
340	210340	Phan Nguyễn Tường Vy	06/04/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	3.75	3.50	3.30	T	Đ	T	Đ	T	Đ	T	K			25.55	
341	210341	Nguyễn Thị Thúy Vy	26/05/2010	THCS Thiện Mỹ	6.00	4.00	4.90	T	T	T	T	T	T	T	T			34.90	
342	210342	Nguyễn Thị Tường Vy	17/02/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	2.75	4.00	3.70	T	K	T	K	T	K	T	K	1.00		29.45	
343	210343	Quách Tường Vy	28/09/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	4.00	3.00	2.70	T	K	T	K	T	K	T	K			27.70	
344	210344	Lê Minh Xuân	28/09/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	3.25	2.00	2.40	T	Đ	T	Đ	T	Đ	T	Đ			21.65	
345	210345	Nguyễn Ngọc Như Ý	11/05/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	2.50	3.50	2.90	T	K	T	K	K	K	K	K			25.90	
346	210346	Lê Nguyễn Như Ý	08/11/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	4.75	4.50	4.20	T	T	T	T	T	T	T	T			33.45	
347	210347	Đỗ Như Ý	10/11/2010	THCS Mỹ Tú	2.50	3.75	2.20	T	T	T	K	T	K	T	K	1.00		27.95	

STT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Trường THCS	Điểm thi			Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Ưu tiên	Khuyến khích	Điểm xét tuyển	Ghi chú
					Toán	Văn	Anh	HK	HL	HK	HL	HL	HK	HL	HK				
348	210348	Nguyễn Như Ý	09/11/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	4.00	6.25	3.20	T	K	T	K	T	T	T	T			32.45	
349	210349	Bùi Thị Ý	01/02/2010	THCS Mỹ Tú	3.50	1.75	3.00	T	Đ	T	K	T	K	T	K	1.00		26.25	
350	210350	Võ Thị Như Ý	30/06/2010	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa	2.25	3.50	1.90	K	K	T	T	T	K	T	K	1.00		26.65	
351	210351	Cao Hải Yến	17/04/2010	THCS Hưng Phú	2.00	5.50	1.50	T	Đ	T	K	T	K	T	T			26.50	
352	210352	Lê Thị Bảo Yến	18/03/2010	THCS Mỹ Phước A				T	Đ	T	Đ	T	Đ	T	Đ	1.00		15.00	Môn vắng: Ngữ văn, Tiếng Anh, Toán
353	210353	Phạm Thị Kiều Linh	05/11/2009	THCS Huỳnh Hữu Nghĩa				T	Đ	T	Đ	K	Đ	K	Đ			13.00	Môn vắng: Ngữ văn, Tiếng Anh, Toán

Danh sách này gồm **353** thí sinh

Sóc Trăng, ngày 10 tháng 06 năm 2025

Người lập bảng

Hiệu trưởng

Duyệt của Lãnh đạo Sở GD&ĐT